

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 78 102 01

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung	1
1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học quốc tế Hồng Bàng	2
1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Kinh tế-Quản lý-Luật	5
-Tầm nhìn	5
-Sứ mạng	5
1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	5
Mục tiêu chung	5
Mục tiêu cụ thể	5
1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	6
1.6.2. Ma trận kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với Khung trình độ Quốc gia (VQF)	7
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học	9
1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	9
1.8.1 Tiêu chí tuyển sinh	9
1.8.2. Quá trình đào tạo	9
1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp	9
1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập	10
1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp	10
1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp	10
1.9.3. Học trải nghiệm	11
1.9.4. Dạy học tương tác	11
1.9.5. Tự học	12
1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá	13
1.10.1. Các phương pháp đánh giá	13
1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)	16
1.11. Hệ thống tính điểm	1
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	1
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy	1
2.2. Danh sách các học phần	2
2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và CDR của CTĐT	3
2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy	9
2.5. Kế hoạch giảng dạy	11
2.6. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN	14
3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	25

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Ngành Quản trị khách sạn thuộc Khoa Kinh tế-Quản trị trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (HIU) được ban hành từ năm 2022.

Chương trình đào tạo Ngành Quản trị khách sạn được ban hành dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) được điều chỉnh và bổ sung hai năm/lần. Hiện nay thời gian đào tạo là 4 năm với tổng số tín chỉ là 120.

Chương trình đào tạo Ngành Quản trị khách sạn ban hành năm 2022 dựa vào các căn cứ pháp lý như sau:

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 233/QĐ – HIU ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học;

- Quyết định số 343/QĐ-HIU ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập;

- Quyết định số 480/QĐ – HIU ngày 01 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng về việc ban hành chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

1.2. Thông tin chung

Các thông tin chung về CTĐT được cho ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1 Thông tin chung về CTĐT

1	Tên gọi	Quản trị Khách sạn
---	---------	--------------------

2 .	Bậc	Đại học
3 .	Loại bằng	Cử nhân
4 .	Loại hình đào tạo	Toàn thời gian
5 .	Thời gian	04 năm
6 .	Số tín chỉ	120 TC
7 .	Khoa quản lý	Khoa Kinh tế - Quản trị
8 .	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9 .	Website	www.hiu.vn
1 0 .	Facebook	https://www.facebook.com/groups/725657321217169
1 1 .	Ban hành	2022

1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học quốc tế Hồng Bàng

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng đã áp dụng theo triết lý giáo dục của Tập đoàn Nguyễn Hoàng để xây dựng thể hệ sinh viên đủ 5H như sau:

- Heart - Có trái tim biết yêu thương, thiết lập mối tương quan đúng đắn với thế giới.
- Head - Có trí tuệ, trau dồi, tri thức.
- Hand - Biết làm việc, hướng nghiệp.
- Health- Rèn luyện, thể chất, sức khỏe tốt.
- Human - Con người toàn diện về Tâm-Trí-Lực

Triết lý giáo dục đó của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT ngành Quản trị Khách sạn như minh họa ở Bảng 1.2

Bảng 1.2 Triết lý giáo dục của trường Đại học quốc tế Hồng Bàng được chuyển tải vào CTĐT ngành Quản trị Khách sạn

	Chương trình đào tạo ngành Quản trị Khách sạn		Triết lý giáo dục của HIU				
			Hear t	Head	Han d	Healt h	Hum an
Kiến thức tròn g chươ ng trìn h đào tạo	Khối kiến thức đại cương		x	x		x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành		x	x			x
	Khối kiến thức chuyên ngành		x	x	x	x	x
	Thực tập tốt nghiệp		x	x	x	x	x
Hoạt động ngoạ i khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	X	x		x
	Thi thiết kế mô hình, ý tưởng		x	x	x		x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		x		x	x	x
	Hiến máu nhân đạo		x			x	x
	Hoạt động vì người nghèo, chịu thiên tai (bão, lụt)		x			x	x
Chuẩ n đầu ra của CTĐ T (PLO s)	PLO 1	Hiểu được tư tưởng Triết học Mác-Lê nin làm nền tảng kết hợp với kiến thức về Chính trị – Xã hội – Văn hóa – An ninh quốc phòng – Pháp luật, Ngoại ngữ và Tin học để hình thành nhân sinh quan tích cực trong cuộc sống và công việc.	x	x	x		x
	PLO 2	Vận dụng các kiến thức cơ bản về Kinh tế học – Quản trị – Tài chính – Marketing – Chiến lược – Nhân sự vào trong môi trường công việc thông qua các quyết định	x	x	x		x

Chương trình đào tạo		Triết lý giáo dục của HIU				
	quản lý xây dựng hình ảnh một nhà quản trị có năng lực. Quản trị Khách sạn					
PLO 3	Vận dụng những kiến thức về nghiệp vụ khách sạn, nhà hàng vào công việc chuyên môn.	X	X	X		X
PLO 4	Vận dụng những kiến thức về kinh tế ngành đặc thù, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào công tác quản trị khách sạn nhằm theo đuổi các mục tiêu kinh doanh.	X	X	X		X
PLO 5	Sử dụng các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh ẩm thực, không ngừng sáng tạo các sản phẩm mới.	X	X	X		X
PLO 6	Sử dụng hiệu quả kỹ năng nghiệp vụ lưu trú để luôn đảm bảo hình ảnh “bộ mặt” và “trái tim” của khách sạn qua đó luôn mang đến cảm giác thoải mái, sự ấn tượng và sự hài lòng khi được cung cấp và phục vụ cho khách trong suốt thời gian lưu trú trong khách sạn.	X	X	X	X	X
PLO 7	Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả, đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương); vận dụng trong giao tiếp và trong quan hệ đối ngoại quốc tế, tôn trọng khác biệt văn hóa, gìn giữ bản sắc, hòa bình hữu nghị.	X	X	X	X	X
PLO 8	Sử dụng tin học văn phòng hiệu quả, ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	X	X	X	X	X
PLO 9	Vận dụng kỹ năng quản lý và điều hành một cơ sở kinh doanh khách sạn trong môi trường làm việc	X	X		X	X

Chương trình đào tạo		Triết lý giáo dục của HIU				
	năng lực của ngành du lịch.					
PLO 10	Quản trị Khách sạn Hình thành thái độ tích cực trong công việc, cuộc sống. Xây dựng năng lực học tập suốt đời để hoàn thiện bản thân và hướng đến việc đóng góp, ủng hộ và khuyến khích mọi người tham gia vào việc tạo ra các giá trị/lợi ích cho cộng đồng và xã hội.	X	X			X
PLO 11	Vận dụng những kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán... để truyền tải hiệu quả các thông tin cho đồng nghiệp, khách hàng; giải quyết hiệu quả các tình huống và các vấn đề phát sinh trong công việc, cuộc sống.	X	X	X	X	X
PLO 12	Ứng dụng kỹ năng tư duy phân biện, kỹ năng làm việc nhóm... nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu để giải quyết hiệu quả và triệt để các vấn đề phát sinh trong môi trường làm việc năng động.	X	X	X	X	X

1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Kinh tế-Quản trị

Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Kinh tế-Quản trị trở thành một trong những khoa lớn của trường Đại học quốc tế Hồng Bàng, có đội ngũ quản lý; giảng viên và nhân viên được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp về kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc phù hợp với môi trường giáo dục đại học chuẩn quốc tế, trở thành một địa chỉ đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín thu hút người học trong nước và ngoài nước, đặc biệt là các nước trong Khu vực.

Sứ mạng

Giáo dục và đào tạo các nhà quản lý tương lai với đầy đủ **kiến thức, kỹ năng, thái độ** để xử lý những vấn đề kinh tế và quản lý đáp ứng yêu cầu hội nhập vào khu vực và thế giới, đồng thời gắn kết với thực tiễn, phục vụ và phát triển cộng đồng.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Cử nhân Quản trị khách sạn, có phẩm chất đạo đức, có ý thức phục vụ, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam, có sức khoẻ tốt nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội; thích nghi nhanh chóng với môi trường làm việc năng động và có khả năng hội nhập khu vực cũng như quốc tế. Cung cấp kiến thức chung về quản trị khách sạn cùng với việc giáo dục ý thức và thái độ với nghề nghiệp để trở thành một người quản lý có trách nhiệm trong ngành kinh doanh khách sạn. Ngoài ra, chương trình cũng cung cấp những trải nghiệm thực tế phù hợp liên quan với việc điều hành và kinh doanh khách sạn, là cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu nâng cao trình độ trong quá trình công tác.

Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

PO2: Có kiến thức về cơ sở về kinh tế, quản trị và nghiệp vụ chuyên ngành khách sạn.

- Kỹ năng:

PO3: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giám sát, quản lý, điều hành các nghiệp vụ cơ bản trong khách sạn.

PO4: Có các kỹ năng mềm, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học để có thể hội nhập quốc tế, ứng xử, giải quyết các tình huống trong công việc và cuộc sống.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

PO5: Có trách nhiệm với nghề nghiệp; xử lý hiệu quả các xung đột lợi ích của các nhóm có liên quan trong công việc.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị Khách sạn phải đạt được các yêu cầu tối thiểu sau đây:

❖ Kiến thức

PLO1: Hiểu được tư tưởng Triết học Mác-Lê nin làm nền tảng kết hợp với kiến thức về Chính trị – Xã hội – Văn hóa – An ninh quốc phòng – Pháp luật, Ngoại ngữ và Tin học để hình thành nhân sinh quan tích cực trong cuộc sống và công việc.

PLO2: Vận dụng các kiến thức cơ bản về Kinh tế học – Quản trị – Tài chính – Marketing – Chiến lược – Nhân sự vào trong môi trường công việc thông qua các quyết định quản trị để xây dựng hình ảnh một nhà quản trị có hiệu quả.

PLO3: Vận dụng những kiến thức về nghiệp vụ khách sạn, nhà hàng vào công việc chuyên môn.

PLO4: Vận dụng những kiến thức về kinh tế ngành đặc thù, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào công tác quản trị khách sạn nhằm theo đuổi các mục tiêu kinh doanh.

❖ Kỹ năng

PLO5: Sử dụng các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh ẩm thực, không ngừng sáng tạo các sản phẩm mới.

PLO6: Sử dụng hiệu quả kỹ năng nghiệp vụ lưu trú để luôn đảm bảo hình ảnh “bộ mặt” và “trái tim” của khách sạn qua đó luôn mang đến cảm giác thoải mái, sự ấn tượng và sự hài lòng khi được cung cấp và phục vụ cho khách trong suốt thời gian lưu trú trong khách sạn.

PLO7: Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả, đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương); vận dụng trong giao tiếp và trong quan hệ đối ngoại quốc tế, tôn trọng khác biệt văn hóa, gìn giữ bản sắc, hòa bình hữu nghị.

PLO8: Sử dụng tin học văn phòng hiệu quả, ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.

PLO9: Vận dụng kỹ năng quản lý và điều hành một cơ sở kinh doanh khách sạn trong môi trường làm việc năng động của ngành du lịch.

❖ Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO10: Hình thành thái độ tích cực trong công việc, cuộc sống. Xây dựng năng lực học tập suốt đời để hoàn thiện bản thân và hướng đến việc đóng góp, ủng hộ và khuyến khích mọi người tham gia vào việc tạo ra các giá trị/lợi ích cho cộng đồng và xã hội.

❖ Kỹ năng mềm

PLO11: Vận dụng những kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán... để truyền tải hiệu quả các thông tin cho đồng nghiệp, khách hàng; giải quyết hiệu quả các tình huống và các vấn đề phát sinh trong công việc, cuộc sống.

PLO12: Ứng dụng kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm... nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu để giải quyết hiệu quả và triệt để các vấn đề phát sinh trong môi trường làm việc năng động.

1.6.1. *Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT*

Bảng 1.3. có thể thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1.3 Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PO1	x	x									x	x
PO2	x	x	x	x						x	x	x

PO3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO4					x	x	x	x	x	x		
PO5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.6.2. Ma trận kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với Khung trình độ Quốc gia (VQF)

Khung trình độ quốc gia

1. Về kiến thức

- 1.1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
- 1.2. Kiến thức cơ bản về hoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
- 1.3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- 1.4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.
- 1.5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

2. Về kỹ năng

- 2.1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
- 2.2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- 2.3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoạt thay đổi.
- 2.4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- 2.5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
- 2.6. Có năng lực ngoại ngữ 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- 3.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- 3.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- 3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- 3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Bảng 1.4. Sự tương thích giữa mục tiêu và Khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

TT	1.Kiến thức					2.Kỹ năng						3.Mức TC&TN			
	1. 1	1. 2	1. 3	1. 4	1. 5	2. 1	2. 2	2. 3	2. 4	2. 5	2. 6	3. 1	3. 2	3. 3	3. 4
PLO1	x	x	x												
PLO2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
PLO3	x	x	x	x	x										
PLO4	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x		x	
PLO5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO6	x	x		x	x	x	x	x	x	x					
PLO7	x	x		x	x	x	x	x	x	x					
PLO8	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x		
PLO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO1 0												x	x	x	x
PLO1 1	x	x	x	x	x	x		x		x	x				
PLO1 2	x	x	x	x	x	x		x		x	x				

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Quản trị Khách sạn có thể làm các công việc:

Chuyên viên kinh doanh, tiếp thị và phát triển các sản phẩm dịch vụ lưu trú;

Quản lý hoặc chuyên viên các bộ phận lễ tân, tiền sảnh, buồng phòng, ẩm thực, bếp, hội nghị, yến tiệc, nhân sự, tài chính, kế toán, hành chính tại các khách sạn, resort, khu du lịch;

Cán bộ điều hành, tiếp thị, nhận sự tài chính tại các cơ quan nghiên cứu, kinh doanh du lịch trong và ngoài nước;

Giảng dạy, chuyên viên nghiên cứu về lĩnh vực du lịch, khách sạn tại các trường đại học, cao đẳng.

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**1.8.1 Tiêu chí tuyển sinh**

CTĐT ngành Quản trị Khách sạn chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

Học sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề và tương đương; đáp ứng các quy định về sức khỏe và các điều kiện dự thi khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Trường và đạt điểm chuẩn trúng tuyển do Trường quy định

1.8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT và trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Thời gian đào tạo trong 04 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu) và học kỳ hè (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng Tám).

Trong 2 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức cơ bản và cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong 02 năm tiếp theo.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 1) Tích lũy đủ số tín chỉ và số môn học của CTĐT;
- 2) Điểm trung bình chung tích lũy từ 4.00 trở lên;
- 3) Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;
- 4) Đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;
- 5) Đạt chuẩn công nghệ thông tin theo quy định của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được Khoa áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture).

1) Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

2) Thuyết giảng (Lecture): Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

3) Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được Khoa áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

4) Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

5) Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

6) Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được Khoa áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

7) Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

8) Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được Khoa áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Pear Learning)

9) Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

10) Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

11) Học nhóm (Pear Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo

12) Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Bảng 1.4 Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

[illegible]

12. Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x							
-------------------	---	---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá

1.10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Kinh tế, Quản lý, Luật thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Kinh tế, Quản lý, Luật đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế, Quản lý, Luật được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

• Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được Khoa áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

1) Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1.

2) Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể trong Rubric 2.

3) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của Khoa, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 3.

• **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được Khoa sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

4) Kiểm tra viết (Written Exam)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

5) Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

6) Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 4.

7) Báo cáo (Written Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 5.

8) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình theo Rubric 3. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

9) Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 6.

Bảng 1.5 Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)												
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x				x						x	x
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
4	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
I	Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)												
5	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x					x			
6	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	x	x	x	x					x			
7	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
8	Báo cáo (Written Report)	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x
9	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			

1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Khoa Kinh tế, Quản lý, Luật đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics.

Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

- 1) Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp.	Hiếm khi tham gia phát biểu đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	50%

2) Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Đúng thời gian quy định.	20%

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
đánh giá Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

3) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định.	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
đánh giá						
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ, giọng nói nhỏ, phát âm một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu, bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

- 4) Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
- 5) Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam): theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn
- 6) Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):

Rubric 4: Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi.	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	50%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan tới câu hỏi	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm của câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin và hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu. Tự tin trong câu trả lời, lập luận giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	50%

7) Đánh giá báo cáo (Written Report)

Rubric 5: Báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu	Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ bảng biểu còn mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp, trình tự cấu trúc logic rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, ghi chú phù hợp. Thuyết minh kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp, trình tự cấu trúc logic rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, ghi chú phù hợp. Thuyết minh việc sử dụng thành thạo	50%

					máy tính trong trình bày báo cáo.	
--	--	--	--	--	-----------------------------------	--

8) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): theo Rubric3

9) Đánh giá làm việc nhóm (Team work Assessment)

Rubric 6: Làm việc nhóm (Team work Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể và phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	40%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	<30%	<50%	<70%	<90%	100% (tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm.	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo	Hiếm khi tham gia vào việc thảo luận nhóm và	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu	20%

Tiêu chí	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
đánh giá	luận của nhóm.	đóng góp ý kiến.			quả cho các hoạt động của nhóm.	số
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

1.11. Hệ thống tính điểm

Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Table 1.8: Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Từ 9.5 đến 10	A+	4.0
	Từ 8.5 đến 9.4	A	4.0
	Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5
	Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0
	Từ 6.5 đến 6.9	C+	2.5
	Từ 5.5 đến 6.4	C	2.0
	Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5
	Từ 4.0 đến 4.9	D	1.0
Không đạt	Nhỏ hơn 4.0	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1 Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Bắt buộc		Tự chọn	
		Số TC	Tỷ lệ %	Số TC	Tỷ lệ %
A.	Giáo dục đại cương	21	17.5%	0	0%
B.	Giáo dục chuyên nghiệp	75	62.5%	24	20%

	I. Kiến thức cơ sở khối ngành	14	11.6%	0	0%
	II. Kiến thức cơ sở ngành	8	6.7%	4	3.3%
	III. Kiến thức ngành/chuyên ngành	51	42.5%	14	11.5%
	IV. Kiến thức cuối khóa	2	1.7%	6	5%
TỔNG		96	80%	24	20%
		120			

Giáo dục đại cương có **21** tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của ngành Quản trị Khách sạn.

Giáo dục chuyên nghiệp có **99** tín chỉ (75 bắt buộc và 24 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức trải nghiệm thực tiễn và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về quản trị, kinh tế, tài chính – kế toán và marketing cũng như khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng học được vào việc phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thực tế kinh doanh khách sạn.

Các khối kiến thức được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 2.2.

Bảng 2.2 Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

ST T	Khối kiến thức	Số T C	Tỉ lệ	Chuẩn đầu ra - PLO's											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Giáo dục đại cương	21	17.5%	x								x		x	x
B	Giáo dục chuyên nghiệp	99	82.5 %												
	I. Kiến thức cơ sở khối ngành	14	11.6%		x		x							x	x
	II. Kiến thức cơ sở ngành	12	10%			x	x							x	x
	III. Kiến thức ngành/chuyên ngành	65	54%		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	IV. Kiến thức cuối khoá	8	6.9%		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TỔNG		120	100%												

Chú thích: Sử dụng một trong các phương án:

a. H– Cao, M – Trung bình, L – Thấp

b. Đánh dấu X

2.2. Danh sách các học phần

T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ (lên lớp/giảng dạy)**			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC)													
I	Lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh													
1	05068	Triết học Mác- Lênin	3	3	0	3	0	45	45	0				I
2	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	0	30	30	0				II
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	30	0				II
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	30	0				III
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	30	0				III
II	Pháp luật – Tin học													
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	30	0				II
7	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2	0	30	30	0				III
III	Ngoại ngữ													
8	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3	0	45	45	0				I
9	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3	0	45	45	0				II
IV	Giáo dục thể chất													
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1	2	3	0	30	30	0				II
V	Giáo dục quốc phòng - an ninh													
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5	0	75	75	0				I
12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3	0	90	90	0				II
B	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 99 TC (Bắt buộc: 78 TC; Tự chọn: 21 TC)													
I	Kiến thức cơ sở khối ngành: 14 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 0 TC)													

T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ (lên lớp/giảng dạy)**			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
13	HM2002	Kinh tế du lịch	3	3	0	3	0	45	45	0				II
14	BA2003	Quản trị học	3	3	0	3	0	45	45	0				I
15	HM2004	Marketing du lịch	3	3	0	3	0	45	45	0				IV
16	HM2016	Tổng quan du lịch	2	2	0	2	0	30	30	0				I
17	HM2017	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0	3	0	45	45	0				II
II	Kiến thức cơ sở ngành: 12 TC (Bắt buộc: 8 TC; Tự chọn: 4 TC)													
18	HM2010	Pháp luật trong du lịch – Khách sạn	2	2	0	2	0	30	30	0		6		IV
19	TM2010	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	3	0	3	0	45	45	0				III
20	HM2005	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	3	3	0	3	0	45	45	0				I
Học phần tự chọn (4 TC)														
21	HM3036	Kỹ năng tổ chức & làm việc nhóm	2	2	0	0	2	30	30	0				I
22	HM3030	Kỹ năng thuyết trình	2	2	0	0		30	30	0				I
23	HM3031	Kỹ năng tư duy phản biện	2	2	0	0	2	30	30	0				VII
24	HM3033	Kỹ năng đàm phán	2	2	0	0		30	30	0				VII
III	Kiến thức ngành/chuyên ngành: 65 TC (Bắt buộc: 51 TC; Tự chọn: 14 TC)													
25	HM2008	Đổi mới và khởi nghiệp	3	3	0	0	0	45	45	0			32	IV
26	HM3017	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	4	0	4	0	60	60	0				V
27	HM3018	Quản lý doanh thu	3	3	0	3	0	45	45	0				VI
28	HM2011	Quản trị du lịch MICE	3	3	0	3	0	45	45	0		14, 15		VI
29	HM3019	Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực	3	3	0	3	0	45	45	0				VII
30	HM2007	Quản trị nhân sự trong du lịch	3	3	0	3	0	45	45	0		14		IV
31	HM3058	An ninh, an toàn trong khách sạn	3	3	0	3	0	45	45	0				VII

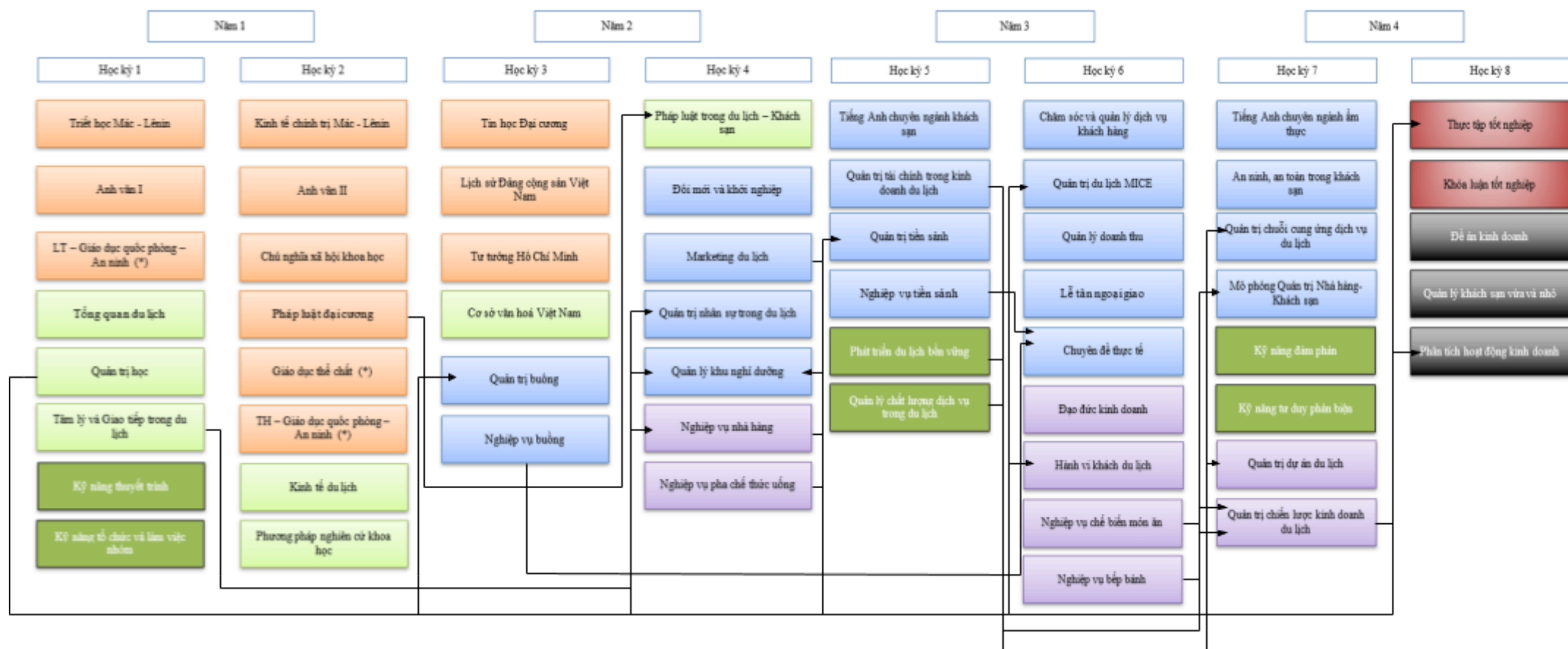
T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ (lên lớp/giảng dạy)**			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
32	HM3021	Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch	3	3	0	3	0	45	45	0				V
33	HM3054	Quản lý khu nghỉ dưỡng	3	3	0	3	0	45	45	0		14, 15		IV
34	HM3027	Nghiệp vụ tiền sảnh	3	1	2	3	0	75	15	60				V
35	HM3028	Nghiệp vụ buồng	3	1	2	3	0	75	15	60				III
36	HM3059	Quản trị buồng	3	3	0	3	0	45	45	0		14		III
37	HM3065	Mô phỏng Quản trị Nhà hàng-Khách sạn	2	1	1	2	0	45	15	30		45 46, 47, 48		VI
38	HM3062	Chuyên đề thực tế	2	0	2	2	0	60	0	60		34,35		VI
39	HM3060	Quản trị tiền sảnh	3	3	0	3	0	45	45	0		14		V
40	HM3037	Lễ tân ngoại giao	2	2	0	2	0	30	30	0				VI
41	HM3055	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch	3	3	0	3	0	45	45	0		14		VII
42	TM3005	Chăm sóc và quản lý dịch vụ khách hàng	2	2	0	2	0	30	30	0				VI
Học phần tự chọn (14 TC)														
43	HM3022	Nghiệp vụ nhà hàng	3	1	2	0	3	75	15	60		20		IV
44	HM3025	Nghiệp vụ pha chế thức uống	3	1	2	0		75	15	60				IV
45	HM3023	Nghiệp vụ chế biến món ăn	2	0	2	0	2	60	0	60				VI
46	HM3024	Nghiệp vụ bếp bánh	2	0	2	0		60	0	60				VII
47	HM3035	Phát triển du lịch bền vững	3	3	0	0	3	45	45	0		14		V
48	TM3003	Quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch	3	3	0	0		45	45	0		14		V
49	HM3034	Quản trị dự án du lịch	3	3	0	0	3	45	45	0		31		VII
50	HM2006	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch	3	3	0	0		45	45	0		14, 15		VII

			Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												Ghi chú
7	00008	Tin học đại cương								H					
STT	Mã học phần	Tên học phần									S				
9	GE1018	Anh văn II									H				
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)													
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)													
12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)													
13	HM2002	Kinh tế du lịch		P		P					S	S	S	S	
14	BA2003	Quản trị học		P		P					P	P	P	P	
15	HM2004	Marketing du lịch		P	P	P					P	P			
16	HM2016	Tổng quan du lịch	P		P		P					P			
17	HM2017	Phương pháp nghiên cứu khoa học		P		P				P		P			
18	HM2010	Pháp luật trong du lịch – Khách sạn	P								P	P			
19	TM2010	Cơ sở văn hoá Việt Nam			P				P			P			
20	HM3030	Kỹ năng thuyết trình		P	P					P	P	P	H		
21	TM3005	Chăm sóc và quản lý dịch vụ khách hàng		P	P		P		P			P	P	P	
22	HM2005	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch			P		S					P	P		
23	HM3036	Kỹ năng tổ chức & làm việc nhóm		P	P					P	P	P	S		
24	HM3031	Kỹ năng tư duy phân biện	P	P								P	P	S	
25	HM3033	Kỹ năng đàm phán		P		P				P		P	S		
26	HM2008	Đổi mới và khởi nghiệp		P		P	P	P			P	P			

			Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												Ghi chú
27	BA2006	Đạo đức kinh doanh	P	P							P	P	P	P	
28	TM3008	Hành vi khách du lịch		P		P					P	P	P		
29	HM3017	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn			P	P			H			P	P	P	
30	HM3018	Quản lý doanh thu		P	P	P					P	P			
31	HM2011	Quản trị du lịch MICE		P	P	P	P	P	P	P	H	P	P		
32	HM3019	Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực			P	P			H			P	P	P	
33	HM2007	Quản trị nhân sự trong du lịch		P				P		P	P	P			
34	HM3058	An ninh, an toàn trong khách sạn			P					P	P	P			
35	HM3021	Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch		P	P	P					P	P			
36	HM3054	Quản lý khu nghỉ dưỡng		P	P	P	S	P			P	P	P		
37	HM3022	Nghiep vụ nhà hàng			P		P					P	P	P	
38	HM3025	Nghiep vụ pha chế thức uống		P	P	P		P		P	P	P	P		
39	HM3027	Nghiep vụ tiền sảnh			P			P				P	P	P	
40	HM3028	Nghiep vụ buồng			P			P				P			
41	HM3059	Quản trị buồng		P	P	P		S			S	P	P		
42	HM3023	Nghiep vụ chế biến món ăn			P		P		P	P		P			
43	HM3024	Nghiep vụ bếp bánh			P		P		P	P		P	P		
44	HM3065	Mô phỏng Quản trị Nhà hàng-Khách sạn		P	P	P	P	P			P	P	P	P	
45	HM3035	Phát triển du lịch bền vững			P	P						P	P	P	
46	TM3003	Quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch		P	P	P	P		P			P	P	P	

			Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												Ghi chú
47	HM3034	Quản trị dự án du lịch		P	P	P			P			P		P	
48	HM2006	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch		P							P	P			
49	HM3062	Chuyên đề thực tế		P	P	P		H			P	H		P	
50	HM3060	Quản trị tiền sảnh		S		P		P		P	S	P		P	
51	HM3037	Lễ tân ngoại giao	P		P			P	P			P	P	P	
52	HM3055	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch		P		P					P	P			
53	HM3067	Khóa luận tốt nghiệp	P	P	P	P			P	P	P	P	P	P	
54	HM3066	Thực tập tốt nghiệp			P	P	P	P	P	P		P	P	P	
55	HM3068	Quản lý khách sạn vừa và nhỏ		P	P	P	P	P			P	P			
56	HM3069	Phân tích hoạt động kinh doanh		P	P	P		P	P	P	P	P	P	P	

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Chú thích

Khối kiến thức giáo dục đại cương	
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	
• Kiến thức cơ sở ngành	
- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	
- Kiến thức cơ sở ngành tự chọn	
• Kiến thức ngành/ chuyên ngành	
- Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	
- Kiến thức chuyên ngành tự chọn	
• Kiến thức cuối khoá	
- Kiến thức cuối khoá bắt buộc/ Khoá luận tốt nghiệp	
- Học phần thay thế khoá luận	

Mối quan hệ

	Học phần học trước (<i>Học phần ở cuối mũi tên học trước học phần ở đầu mũi tên</i>)
---	--

2.5. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổ ng	Lý th uy ết	T h ự c h à n h	Bắ t bu ộc	T ự ch ọ n	Tổn g	Lý thu yết	Th ực hà n h	Tự học
Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 2 TC)											
1	05068	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	3	0	150	45	0	105
2	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3	0	150	45	0	105
3	HM2016	Tổng quan du lịch	2	2	0	2	0	100	30	0	70
4	BA2003	Quản trị học	3	3	0	3	0	150	45	0	105
5	HM2005	Tâm lý & giao tiếp trong du lịch	3	3	0	3	0	150	45	0	105
6	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5*	0	5*	0	250	75	0	175
	Học phần tự chọn: chọn 1 trong 2										
7a	HM3030	Kỹ năng thuyết trình	2	2	0	0	0	100	30	0	70

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổ ng	Lý th uy ết	T h ự c h à n h	Bắ t bu ộc	T ự ch ọ n	Tổn g	Lý thu yết	Th ực hà n h	Tự học
7b	HM3036	Kỹ năng tổ chức & làm việc nhóm	2	2	0	0		100	30	0	70
Học kỳ II: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)											
1	05069	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	2	0	100	30	0	70
2	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	100	30	0	70
3	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3	0	150	45	0	105
4	HM2002	Kinh tế du lịch	3	3	0	3	0	100	45	0	105
5	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	150	30	0	70
6	HM2017	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0	3	0	150	45	0	105
7	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3	1	2	3	0	150	15	60	75
8	02310	TH-Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	3	0	3	3	0	150	0	90	60
Học kỳ III: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)											
1	00008	Tin học Đại cương	2	2	0	2	0	100	30	0	70
2	05071	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	100	30	0	70
3	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	100	30	0	70
4	HM3028	Nghiep vụ buồng	3	1	2	3	0	150	15	60	75
5	HM3059	Quản trị buồng	3	3	0	3	0	150	45	0	105
6	TM2010	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	3	0	3	0	150	45	0	105
Học kỳ IV: 17 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 3 TC)											
1	HM2007	Quản trị nhân sự trong du lịch	3	3	0	3	0	150	45	0	105
2	HM2004	Marketing du lịch	3	3	0	3	0	150	45	0	105
3	HM3054	Quản lý khu nghỉ dưỡng	3	3	0	3	0	150	45	0	105
4	HM2010	Pháp luật trong du lịch – Khách sạn	2	2	0	2	0	100	30	0	70
5	HM2008	Đổi mới & khởi nghiệp	3	3	0	3	0	150	45	0	105
	Học phần tự chọn: chọn 1 trong 2										
6a	HM3022	Nghiep vụ nhà hàng	3	1	2	0		150	15	60	75

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổ ng	Lý th uy ết	T h ự c h à n h	Bắ t bu ộc	T ự ch ọ n	Tổn g	Lý thu yết	Th ực hà n h	Tự học
6b	HM3025	Nghiệp vụ pha chế thức uống	3	1	2	0		150	15	60	75
Học kỳ V: 16 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 3 TC)											
1	HM3017	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	4	0	4	0	200	60	0	140
2	HM3027	Nghiệp vụ tiền sảnh	3	1	2	3	0	150	15	60	75
3	HM3060	Quản trị tiền sảnh	3	3	0	3	0	150	45	0	105
4	HM3021	Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch	3	3	0	3	0	150	45	0	105
	Học phần tự chọn: chọn 1 trong 2										
5a	HM3035	Phát triển du lịch bền vững	3	3	0	0	3	150	45	0	105
5b	TM3003	Quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch	3	3	0	0		150	45	0	105
Học kỳ VI: 17 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 5 TC)											
1	TM3005	Chăm sóc và quản lý dịch vụ khách hàng	2	2	0	2	0	100	30	0	70
2	HM3018	Quản lý doanh thu	3	3	0	3	0	150	45	0	105
3	HM3062	Chuyên đề thực tế	2	0	2	2	0	100	0	60	40
4	HM2011	Quản trị du lịch MICE	3	3	0	3	0	150	45	0	105
5	HM3037	Lễ tân ngoại giao	2	2	0	2	0	100	30	0	70
Học phần tự chọn: chọn 1 trong 2											
6a	BA2006	Đạo đức kinh doanh	3	3	0	0	3	150	45	0	105
6b	TM3008	Hành vi khách du lịch	3	3	0	0		150	45	0	105
Học phần tự chọn: chọn 1 trong 2											
7a	HM3023	Nghiệp vụ chế biến món ăn	2	0	2	0	2	100	30	0	70
7b	HM3024	Nghiệp vụ bếp bánh	2	0	2	0		100	30	0	70
Học kỳ VII: 16 TC (Bắt buộc: 11 TC; Tự chọn: 05 TC)											
1	HM3019	Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực	3	3	0	3	0	150	45	0	105
2	HM3058	An ninh, an toàn trong khách sạn	3	3	0	3	0	150	45	0	105
3	HM3055	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch	3	3	0	3	0	150	45	0	105

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số giờ			
			Tổ ng	Lý th uy ết	T h ự c h à n h	Bắ t bu ộc	T ự ch ọ n	Tổn g	Lý thu yết	Th ực hà n h	Tự học
4	HM3065	Mô phỏng Quản trị Nhà hàng-Khách sạn	2	1	1	2	0	100	15	30	55
Học phần tự chọn: chọn 2 trong 4											
5a	HM3033	Kỹ năng đàm phán	2	2	0	0	2	100	30	0	70
5b	HM3031	Kỹ năng tư duy phản biện	2	2	0	0		100	30	0	70
6a	HM3034	Quản trị dự án du lịch	3	3	0	0	3	150	45	0	105
6b	HM2006	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch	3	3	0	0		150	45	0	105
Học kỳ VIII: 8 TC (Bắt buộc: 2 TC; Tự chọn: 6 TC)											
1	HM3066	Thực tập tốt nghiệp	2	0	2	2	0	100	0	60	40
2	HM3067	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0	6	300	0	180	120
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp											
3	HM3068	Quản lý khách sạn vừa và nhỏ	3	3	0	0	6	150	45	0	105
4	HM3069	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3	0	0		150	45	0	105

2.6. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

A. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của chương trình đào tạo.

Triết học Mác – Lênin (mã HP: 05068 – 3 tín chỉ): Học phần Triết học Mác - Lênin được cấu trúc thành 3 chương. Giúp sinh viên nắm được kiến thức triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhằm xây dựng cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận để sinh viên nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, từ đó, giúp sinh viên vận dụng kiến thức triết học để giải quyết những vấn đề khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, v.. theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin (mã HP: 05069 – 2 tín chỉ): Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin có 6 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá

trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Học phần này trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị trong bối cảnh phát triển của đất nước và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường; qua đó, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học (mã HP: 05070 – 2 tín chỉ): Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương, giúp sinh viên nắm được những vấn đề về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH; vấn đề dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, vấn đề giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình, môn học bồi dưỡng cho sinh viên kiến thức nền tảng khoa học lý luận về hệ thống quan điểm, cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biết vận dụng triển khai chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới vào hoạt động thực tiễn cuộc sống xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn nói riêng.

- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (mã HP: 05071 – 2 tín chỉ): Học phần này cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khoa học lý luận về hệ thống quan điểm, cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biết vận dụng triển khai chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới vào hoạt động thực tiễn cuộc sống xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn nói riêng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (mã HP: 00007 – 2 tín chỉ): Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

Anh văn I (mã HP: GE1017 – 3 tín chỉ): Học phần này tích hợp cả bốn kỹ năng tiếng Anh dành cho sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày, cung cấp các chủ đề nội dung phong phú trong mỗi bài học, mở rộng thực hành tiếng Anh một cách tự nhiên, và nhiều hoạt động nói hấp dẫn. Ngoài ra, học phần còn mang lại cho sinh viên cơ hội tốt để học qua các phương tiện khác nhau và giải quyết vấn đề bằng cách tập trung vào các kỹ năng giao tiếp thực tế. Sinh viên đạt năng lực sử dụng tiếng Anh tương ứng với trình độ A2/IELTS 3.5-4.0

Anh văn II (mã HP: GE1018 – 3 tín chỉ): Đây là học phần tích hợp cả bốn kỹ năng tiếng Anh dành cho những sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày, cung cấp các chủ đề nội dung phong phú trong mỗi bài học, mở rộng thực hành tiếng Anh một cách tự nhiên và nhiều hoạt động nói hấp dẫn. Ngoài ra, học phần còn mang lại cho sinh viên cơ hội tốt để học qua các phương tiện khác nhau và giải quyết vấn đề bằng cách tập trung vào các kỹ năng giao tiếp thực tế. Sinh viên đạt năng lực sử dụng tiếng Anh tương ứng với trình độ A2/IELTS 4.0-4.5

Pháp luật đại cương (mã HP: 00042 – 2 tín chỉ): Học phần Pháp luật đại cương được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành luật. Học phần này cung cấp những kiến thức chung nhất về nhà nước và pháp luật, bao gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật; các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.

Tin học đại cương (mã HP: 00008 – 2 tín chỉ): Học phần này giới thiệu và cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin: Cấu trúc máy tính; Virus máy tính; Internet; Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. học phần này còn có giới thiệu chi tiết về các Hệ điều hành Windows qua các phiên bản để sinh viên nắm vững và biết cách sử dụng cho từng phiên bản. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các công cụ trong bộ office 365, có thể soạn thảo văn bản với MS Word, tính toán bảng tính với MS Excel, tạo các bài trình chiếu với MS Power Point và vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu.

Giáo dục thể chất (mã HP: GE1020 – 3 tín chỉ): Học phần Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, kiến thức và kỹ năng vận động, hình thành thói quen luyện tập thể thao, lựa chọn môn thể thao phù hợp để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, tạo niềm vui, phấn khởi từ đó nâng cao chất lượng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Thông qua các hoạt động giáo dục thể chất để thúc đẩy các phong trào hoạt động thể dục, thể thao trong nhà Trường.

Giáo dục quốc phòng - an ninh (mã HP: 02309; 02310 – 8 tín chỉ): Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh cung cấp các hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc

phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 99 tín chỉ (bắt buộc: 82 TC; tự chọn 17 TC) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về kinh doanh khách sạn.

I. Kiến thức cơ sở khối ngành: 14 tín chỉ (bắt buộc: 14 TC; tự chọn 0 TC) gồm các học phần về kinh tế học, quản trị học, tổng quan ngành du lịch, marketing trong du lịch và phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, khách sạn.

Kinh tế du lịch (mã HP: HM2002 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, cung cấp cho người học những kiến thức về kinh tế trong lãnh vực du lịch, các phương pháp và mô hình phân tích và dự báo, thống kê trong du lịch và vai trò của kinh tế du lịch trong tổng thể kinh tế chung của điểm đến. Học phần cũng cung cấp cho người học cách thức xác định những biến môi trường vĩ mô tác động vào lãnh vực kinh tế du lịch như thế nào và cách mà nó tác động vào môi trường vi mô trong lãnh vực du lịch ra sao.

Quản trị học (mã HP: BA2003 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, được thiết kế nhằm giúp sinh viên nắm bắt được các khái niệm và kiến thức về quản trị trong tổ chức, bao gồm những thách thức mà người làm công tác quản trị phải đương đầu, các trường phái trong quản trị và các chức năng của quản trị. Khi kết thúc học phần, sinh viên phải chứng minh khả năng nắm bắt những kiến thức của môn học thông qua các thủ tục đánh giá và kiểm tra của giảng viên. Quan trọng nhất, người học sẽ hiểu sâu và áp dụng bốn chức năng và quá trình cơ bản của quản trị bao gồm: quá trình hoạch định, quá trình tổ chức, quá trình lãnh đạo và điều khiển, và quá trình kiểm tra vào trong việc học và việc làm.

Marketing du lịch (mã HP: HM2004 – 3 tín chỉ): Học phần đóng vai trò quan trọng giúp cho người học nắm bắt cách thức thấu hiểu khách hàng từ bên trong, từ đó nhận diện nhu cầu, sở thích và khả năng trao đổi giao dịch. Trên cơ sở nắm bắt các thông tin, học phần dẫn dắt người học cách thức tạo ra các giá trị tích hợp trong sản phẩm và dịch vụ; cách thức nắm bắt các giá trị từ khách hàng mang lại cho tổ chức; cách thức chuyển giao các giá trị cho khách hàng tối ưu nhất; và sau cùng cách thức đánh động và truyền thông về giá trị cho khách hàng mục tiêu của doanh nghiệp. Học phần được thiết kế như khối một nền tảng giúp người học hình thành triết lý kinh doanh lấy khách hàng làm trung tâm trong ngành kinh doanh mà tính vô hình chiếm tỉ trọng lớn.

Tổng quan du lịch (mã HP: HM2016 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, nhằm cung cấp kiến thức tổng quan về ngành du lịch nói chung: lịch sử hình thành, các yếu tố hình thành sản phẩm du lịch, những điều kiện phát triển và yếu tố tác động đến sự phát triển du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ tham gia tour trong ngày về khảo sát việc tổ chức thực hiện một chương trình du lịch ngắn ngày (trong ngày) đến nơi có tài nguyên du lịch, nhằm giúp người học có cái nhìn khái quát về ngành học, về nghề qua đó hình thành tư duy và thái độ của người học đối với ngành mà mình đã chọn, xây dựng phương pháp học tập hiệu quả, lộ trình phát triển nghề nghiệp tương lai.

Phương pháp nghiên cứu khoa học (mã HP: HM2017– 3 tín chỉ): Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu trong ngành du lịch, khách sạn và sự kiện như: các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, các bước khi tiến hành một nghiên cứu từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

II. Kiến thức cơ sở ngành: 14 tín chỉ (bắt buộc: 8 TC; tự chọn 4 TC) gồm các học phần về kỹ năng, tâm lý, cơ sở văn hoá, pháp luật trong kinh doanh du lịch, khách sạn.

Pháp luật trong du lịch – Khách sạn (mã HP: HM2010 – 2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch, hệ thống kinh doanh du lịch, quản lý lao động trong doanh nghiệp du lịch. Sinh viên có được các kỹ năng sử dụng đúng thuật ngữ chuyên ngành và vận dụng vào trong thực tế công việc của một người phục vụ trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú du lịch. Sinh viên có nhận thức được tầm quan trọng của luật trong công việc và cuộc sống đồng thời có ý thức chấp hành tốt các điều luật.

Cơ sở văn hóa Việt Nam (mã HP: TM2010 – 3 tín chỉ): Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ sở ngành giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa, nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; nhận thức rõ diện mạo, đặc trưng văn hóa nhận thức - tổ chức cộng đồng - ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.

Kỹ năng thuyết trình (mã HP: HM3030): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản kết hợp các bài tập thực hành trong và ngoài lớp về hoạt động thuyết trình. Qua đó, giúp cho người học hình thành kỹ năng thuyết trình về các nội dung học thuật và các chủ đề cơ bản trong quá trình học tập cũng như ngoài xã hội, hình thành thái độ yêu thích thuyết trình, có ý thức ảnh hưởng đến người khác thông qua những nội dung mà mình thuyết trình.

Tâm lý và giao tiếp trong du lịch (mã HP: HM2005– 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý và giao

tiếp trong hoạt động kinh doanh du lịch, ứng dụng trong lĩnh vực khách sạn. Sự hình thành và phát triển tâm lý của con người, các hiện tượng và quy luật tâm lý tác động phổ biến đến hoạt động kinh doanh du lịch. Tâm lý của du khách ở các quốc gia, nghề nghiệp, độ tuổi khác nhau... Những kiến thức và kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh du lịch – khách sạn như: kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp, các nhóm giao tiếp cơ bản; hiểu được từng đối tượng giao tiếp trong từng hoàn cảnh giao tiếp khác nhau, giúp người học hình thành kỹ năng giao tiếp với từng nhóm đối tượng khách du lịch nhất là trong quá trình phục vụ khách lưu trú tại khách sạn.

Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm (mã HP: HM3036 – 2 tín chỉ): Học phần kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm thuộc kiến thức chuyên ngành, giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng và ý nghĩa trong việc tổ chức và làm việc nhóm qua đó tạo nên sự liên kết, chia sẻ và giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống.

Kỹ năng tư duy phản biện (mã HP: HM3031 – 2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được thiết kế nhằm cung cấp cho người học kỹ năng quan trọng nhất cần phải có đối với nguồn nhân lực trong thế kỷ 21. Vì vậy học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng những kỹ năng này vào học tập, nghiên cứu và tiếp cận công việc trong tương lai cũng như trong cuộc sống.

Kỹ năng đàm phán (mã HP: HM3033 – 2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp sinh viên nâng cao khả năng thương thuyết bao gồm các nội dung: Các dạng đàm phán, các khái niệm cơ bản cần ghi nhớ trong nghệ thuật đàm phán - Các bước chuẩn bị trước và trong khi tiến hành quá trình đàm phán - Các chiến thuật áp dụng và những sai lầm thường gặp trong quá trình đàm phán - Cách giành lợi thế trong đàm phán, rút kinh nghiệm và cải thiện khả năng đàm phán - Những yếu tố tác động đến quá trình và kết quả đàm phán.

III. Kiến thức ngành/chuyên ngành: 65 tín chỉ (bắt buộc: 51 TC; tự chọn 14 TC) gồm các học phần về các nghiệp vụ chuyên ngành về lưu trú, ẩm thực như: nghiệp vụ buồng, lễ tân, phục vụ nhà hàng, làm bánh, nấu ăn,... và các học phần về quản trị như: quản trị buồng, tiền sảnh, quản trị dự án, quản trị chuỗi cung ứng trong du lịch,...

Đổi mới và khởi nghiệp (mã HP: HM2008 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức ngành, có vai trò then chốt giúp cho người học nhận thức được giá trị và tầm quan trọng của cách tiếp cận đổi mới trong trong các sự vật, hiện tượng thường nhật để tìm và xây dựng hướng đi mới trong xử lý vấn đề trong học tập, cuộc sống và ứng dụng vào công việc trong tương. Cụ thể học phần sẽ cung cấp cho người học những khái niệm nền tảng về đổi mới trong khởi nghiệp, khởi nghiệp trong doanh nghiệp và các nguyên lý, qui trình và công cụ phát triển đổi mới trong khởi nghiệp.

Đạo đức kinh doanh (mã HP: BA2006 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức ngành/ chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức về các quan điểm và hành vi của doanh nghiệp về đạo đức kinh doanh. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề lịch sử quan hệ giữa đạo đức và doanh nghiệp, các quan điểm đạo đức

kinh doanh theo các trường phái, đạo đức và việc quản lý trong doanh nghiệp và những phương thức thực hành mới để doanh nghiệp hành động có đạo đức.

Hành vi khách du lịch (mã HP: TM3008– 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành, nghiên cứu những vấn đề chung về tài chính hoạt động du lịch; lập kế hoạch kinh doanh và tài chính: doanh thu và khách, tài sản cố định và vốn đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và vốn lưu động, chi phí và giá thành dịch vụ du lịch, tài chính doanh nghiệp du lịch. Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có kiến thức về lập kế hoạch tài chính và kinh doanh của một doanh nghiệp du lịch, của hãng lữ hành và của ngành du lịch quốc gia hoặc địa phương. Cách thức quản lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh....

Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn (mã HP: HM3017 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế nhằm trang bị cho người học kiến thức và thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong ngành khách sạn. Phần kỹ năng sẽ giúp sinh viên nắm bắt và sử dụng những thuật ngữ ứng dụng vào công việc tại các bộ phận trong khách sạn.

Quản lý doanh thu (mã HP: HM3018 - 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế với vai trò cung cấp các khái niệm lý thuyết cơ bản trong lĩnh vực quản lý doanh thu khách sạn như hệ thống quản lý doanh thu, quy trình, số liệu, phân tích, dự báo, phân khúc và hồ sơ và các vấn đề đạo đức. Đặc biệt chú ý đến các công cụ quản lý doanh thu định giá và không định giá được sử dụng bởi các chủ khách sạn để tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận hoạt động.

Quản trị du lịch MICE (mã HP: HM2011 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị du lịch MICE như cách nhận biết, tổ chức, quản lý và thực hiện loại hình du lịch kết hợp hội họp, khuyến thưởng, hội nghị, hội thảo, triển lãm hay sự kiện. Nội dung bao gồm những hoạt động của loại hình du lịch này, những yêu cầu của người làm du lịch MICE và vai trò của MICE đối với hoạt động và quy trình tổ chức du lịch MICE, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên tiếp cận và phục vụ đối tượng khách du lịch MICE ở góc độ người hoạt động trong lĩnh vực khách sạn cũng như cách thức tổ chức chương trình du lịch MICE trong các loại hình lưu trú một cách sáng tạo, đáp ứng nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp trong xu hướng phát triển của xã hội hiện nay. Học phần được đánh giá qua đề án quản trị sự kiện MICE theo nhóm.

Tiếng Anh chuyên ngành ẩm thực (mã HP: HM3019 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, có vai trò như một công cụ giao tiếp chuyên sâu bao gồm những thuật ngữ, ngữ cảnh và cấu trúc câu sử dụng trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Nó sẽ giúp cho người học vốn từ, cấu trúc và cách diễn đạt khi tác nghiệp trong môi trường làm việc để nghe hiểu, diễn đạt chính xác và đáp ứng đúng yêu cầu của thực khách bằng ngôn ngữ tiếng Anh.

Quản trị nhân sự trong du lịch (mã HP: HM2007 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành, giúp người học hiểu rõ kế hoạch hoạt động của

đơn vị để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực định kỳ năm, quý, tháng. Biết xây dựng nội quy, quy chế, quy định và cơ cấu nhân sự hoạt động.

An ninh, an toàn khách sạn (mã HP: HM3058 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, mô tả vị trí công việc cơ bản nhất của nhân viên an ninh/bảo vệ làm việc tại một khách sạn hoặc cơ sở lưu trú có trách nhiệm ngăn ngừa và phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn về mất mát dưới mọi hình thức và đưa ra hành động xử lý thích hợp. Nghiệp vụ an ninh khách sạn được thiết kế kết hợp hài hoà với các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành, được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu cụ thể của ngành du lịch Việt Nam và có thể áp dụng linh hoạt vào các loại hình cơ sở lưu trú khác nhau.

Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch (mã HP: HM3021 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành, nghiên cứu những vấn đề chung về tài chính hoạt động du lịch; lập kế hoạch kinh doanh và tài chính: doanh thu và khách, tài sản cố định và vốn đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và vốn lưu động, chi phí và giá thành dịch vụ du lịch, tài chính doanh nghiệp du lịch. Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có kiến thức về lập kế hoạch tài chính và kinh doanh của một doanh nghiệp du lịch, của hãng lữ hành và của ngành du lịch quốc gia hoặc địa phương. Cách thức quản lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh....

Quản lý khu nghỉ dưỡng (mã HP: HM3054 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản lý khu nghỉ dưỡng, tiếp cận cấu trúc hình thành, chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong khu nghỉ dưỡng. Cách thức vận hành và quản lý để đảm bảo tính thông suốt trong cả chu trình phục vụ khách, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ của khu nghỉ dưỡng được chuyển giao cho khách theo đúng chất lượng đã được cam kết.

Nghiệp vụ nhà hàng (mã HP: HM3022 – 3 tín chỉ): Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế gồm (1) phần lý thuyết: 1 tín chỉ gồm những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức vận hành, chức năng nhiệm vụ, vai trò của các bộ phận trong nhà hàng; (2) phần thực hành: 2 tín chỉ dựa trên tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS) về Nghiệp vụ Nhà hàng cơ bản dành cho nhân viên phục vụ nhà hàng, khách sạn hoặc trong cơ sở tương tự, với trách nhiệm sắp xếp nhà hàng, phục vụ các món ăn và đồ uống trong nhà hàng, khách sạn, phòng họp, theo các kiểu gọi theo món hoặc ăn tự chọn, và phục vụ tại phòng khách hoặc phục vụ hội nghị. Học phần kết thúc thông qua một kịch bản thử nghiệm vận hành một nhà hàng thông qua một sự kiện (a-la-carte hoặc banquet) tại nhà hàng thực tập trên cơ sở phân chia nhiệm vụ, chức năng và công việc cho từng sinh viên và được đánh giá qua 3 bước: chuẩn bị phục vụ, trong khi phục vụ và sau khi phục vụ.

Nghiệp vụ pha chế thức uống (mã HP: HM3025 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành về dịch vụ đồ uống thuộc ngành Quản trị khách sạn bao gồm rượu mạnh chưng cất, rượu lên men, rượu mùi và các đồ uống pha chế. Các chủ đề bao gồm mua, kiểm soát nguyên vật liệu; vấn đề về lưu trữ, tồn kho, quản lý lãng phí và kiểm soát chi phí; chăm sóc khách hàng; an toàn vệ sinh thực phẩm trong Nhà

hàng - Bar. Tiêu chuẩn đánh giá một ly cocktail về màu sắc, mùi vị, cách trang trí và quy trình phục vụ đến khách hàng; xác định và phân biệt các họ rượu mạnh, rượu mùi; hiểu cách quản lý lựa chọn đồ uống của nhà hàng, quán bar, khách sạn trong kinh doanh.

Nghệp vụ tiền sảnh (mã HP: HMHM3027 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế gồm 2 phần: (1) Lý thuyết: nhằm giới thiệu cho sinh viên kiến thức nghiệp vụ hoạt động và điều hành của bộ phận tiền sảnh. Sinh viên cần hiểu và nắm được các quy trình tiếp khách, đặt chỗ khách sạn qua các kênh đặt phòng, giao và trả phòng, thanh toán. (2) Thực hành: Sinh viên còn được thực hành các cách phục vụ khách hàng hiệu quả, cách nắm bắt thông tin khách hàng, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng đọc hiểu kế hoạch kinh doanh, đánh giá hoạt động điều hành, xử lý tình huống giải quyết phàn nàn từ khách hàng cũng như kỹ năng quản lý con người.

Nghệp vụ buồng (mã HP: HMHM3028 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế gồm (1) phần lý thuyết: 1 tín chỉ những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức vận hành, chức năng nhiệm vụ, vai trò của các bộ phận buồng trong khách sạn; (2) phần thực hành: 2 tín chỉ nhằm giúp cho người học cơ hội ứng dụng những kiến thức và kỹ năng nghề cơ bản của nhân viên làm việc tại bộ phận buồng trong khách sạn. Chương trình sẽ giúp cho người học hình thành những kiến thức và kỹ năng nghề cơ bản của nhân viên làm việc tại bộ phận buồng phòng trong khách sạn. Phần kiến thức sẽ giúp sinh viên nắm bắt những kiến thức liên quan đến tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận buồng phòng trong tổng thể chung hoạt động của khách sạn. Phần kỹ năng giúp cho sinh viên hình thành những tiêu chuẩn về kỹ năng nghiệp vụ tại bộ phận buồng bao gồm công tác chuẩn bị ca làm làm việc, sắp xếp vật dụng, thực hiện nghiệp vụ dọn và vệ sinh phòng khách, kiểm tra và bổ sung các vật dụng trong phòng, các kỹ thuật xếp và trải giường, kỹ năng sử dụng hóa chất trong công việc

Quản trị buồng (mã HP: HM3059 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên tiếp cận cấu trúc hình thành, chức năng và nhiệm vụ của bộ phận buồng trong khách sạn. Cách thức vận hành và quản lý để đảm bảo tính thông suốt trong cả chu trình phục vụ khách, qua đó đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ của khách sạn được chuyển giao cho khách theo đúng chất lượng đã được cam kết.

Nghệp vụ chế biến món ăn (mã HP: HMHM3023 – 2 tín chỉ): Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế dựa trên tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS) kỹ thuật chế biến món ăn Âu và món ăn Việt Nam dành cho nhân viên bếp trong khách sạn, nhà hàng hoặc cơ sở kinh doanh tương tự nhằm giúp sinh viên nhận biết cách thức vận hành gian bếp trong mô hình kinh doanh ẩm thực và thực hành kỹ thuật nấu ăn các món Á - Âu. Sinh viên hiểu nguồn gốc lịch sử của thực phẩm và tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ

sinh khu vực làm việc và vệ sinh cá nhân. Sinh viên biết cách áp dụng các thuật ngữ ẩm thực cơ bản được sử dụng trong nhà bếp chuyên nghiệp. Biết xây dựng thực đơn, chọn lựa, bảo quản, sơ chế và chế biến các món ăn Á - Âu.

Nghệ thuật bếp bánh (mã HP: HM3024 – 2 tín chỉ): Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế dựa trên tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS) kỹ thuật làm bánh Âu và bánh Việt Nam dành cho nhân viên bếp bánh trong khách sạn hoặc cơ sở kinh doanh tương tự nhằm giúp sinh viên nhận biết cách thức vận hành bếp bánh, kỹ thuật làm bánh và món tráng miệng trong một mô hình kinh doanh ẩm thực. Sinh viên biết cách áp dụng các công thức làm bánh chuyên nghiệp thực hiện các loại bánh và món tráng miệng.

Mô phỏng Quản trị Nhà hàng-Khách sạn (mã HP: HM3065 – 2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Người học được thực hiện mô phỏng vận hành kinh doanh một mô hình khách sạn (Sulyna) theo ý tưởng của người học từ bước lên kế hoạch đến marketing, bán vé cho sự kiện và thực hiện sự kiện đó. Sinh viên sẽ được chia nhóm theo khả năng, đóng vai là quản lý, hostess, bartender, chef, ... để vận hành và quản lý sự kiện, sau đó hoàn tất báo cáo.

Phát triển du lịch bền vững (mã HP: HM3035 – 3 tín chỉ): Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam hướng tới phát triển đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Giúp người học phân biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm, vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong phát triển du lịch bền vững; marketing trong du lịch bền vững; các chiến lược quản lý du khách tại điểm đến; phương pháp lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững. Người học được hoàn thiện các kỹ năng mô tả, chứng minh được sự phát triển bền vững của một điểm đến hoặc một dự án du lịch; chỉ rõ được sự khác biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm, chỉ rõ chiến lược marketing bền vững của các tổ chức quản lý điểm đến, các doanh nghiệp du lịch; xây dựng được kế hoạch phát triển du lịch bền vững tại một điểm đến hoặc một địa phương.

Quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch (mã HP: TM3003 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức về những vấn đề cơ bản trong quản lý chất lượng dịch vụ, giá trị mà khách hàng mong đợi và trải nghiệm của khách về sản phẩm dịch vụ. Học phần cung cấp quy trình lập kế hoạch được sử dụng để đánh giá và đáp ứng kỳ vọng của khách, chiến lược tập trung vào sự thỏa mãn của khách hàng, thúc đẩy và trao quyền cho nhân viên, đồng sáng tạo giá trị của khách hàng và việc trao đổi thông tin về hệ thống cung cấp dịch vụ lành hành cho đúng người vào đúng thời điểm để đo lường và quản lý việc cung cấp dịch vụ và khắc phục những thiếu sót trong dịch vụ.

Quản trị dự án du lịch (mã HP: HM3034 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế gồm những khái niệm và kỹ năng để giúp nhà

quản lý đề xuất, lập kế hoạch, đảm bảo nguồn lực, ngân sách và lãnh đạo nhóm dự án để hoàn thành công việc quản lý dự án của mình. Học phần cũng giúp sinh viên và các nhà quản lý dự án tiềm năng hiểu lý do tại sao các tổ chức/doanh nghiệp phải phát triển một quy trình quản lý dự án chính thức để đạt được những lợi thế cạnh tranh trong kinh doanh.

Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch (mã HP: HM2006 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần được thiết kế cho sinh viên năm cuối học các chương trình cử nhân về quản trị du lịch, khách sạn hay sự kiện (THE). Học phần không những giúp cho người học hiểu được các đặc trưng của ngành mà còn làm giàu thêm kiến thức học thuật liên quan đến quản trị chiến lược trong ngành du lịch, khách sạn hay sự kiện. Qua đó hiểu biết về những thách thức mà một nhà quản lý phải đối mặt, cũng như cách thức ứng phó khả dĩ được xem xét của nhà quản lý để giành được các lợi thế cạnh tranh trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Chuyên đề thực tế (mã HP: HM3062 – 2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức trải nghiệm, sinh viên sẽ tự quan sát và trải nghiệm/ nghiên cứu các chủ đề có liên quan đến bộ phận lưu trú - Room Division (RD) tại một cơ sở kinh doanh lưu trú/khách sạn bất kỳ. Sau quá trình tự trải nghiệm trên, sinh viên viết báo cáo thực tế và đúc kết nhận thức về ngành nghề, nộp về khoa như một bài kiểm tra cuối khóa.

Quản trị tiền sảnh (mã HP: HM3060 – 3 tín chỉ): Học phần giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận về quản trị tác nghiệp lễ tân khách sạn và có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế trong hoạt động phục vụ trực tiếp tại bộ phận lễ tân. Qua đó, học phần trang bị cho người học những kiến thức về quy trình phục vụ, các kỹ năng và tiêu chuẩn phục vụ của lễ tân khách sạn; các hoạt động tổ chức và quản lý quá trình phục vụ của bộ phận lễ tân khách sạn.

Lễ tân ngoại giao (mã HP: HM3037 – 2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp cho sinh viên nắm bắt những kiến thức và qui chuẩn công tác lễ tân đón tiếp trong ngành ngoại giao qua đó có thể áp dụng vào môi trường công việc trong tương lai và ứng xử trong cuộc sống.

Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch (mã HP: HM3055 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng. Đặc biệt là quản lý chuỗi cung ứng trong dịch vụ du lịch lữ hành và nhà hàng khách sạn trọng tâm vào mô hình phát triển kinh doanh và tối ưu mô hình này. Học phần này sẽ cung cấp những lý thuyết và khái niệm khuôn mẫu về quản lý chuỗi cung ứng và chuỗi cung ứng trong ngành dịch vụ du lịch.

Chăm sóc và quản lý dịch vụ khách hàng (mã HP: TM3005 – 2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhấn mạnh vào tầm quan trọng của quan hệ khách hàng trong thế giới kinh doanh dịch vụ dựa vào cách thức đáp ứng những yêu cầu phức tạp của khách hàng và giải quyết những tình huống căng thẳng một cách hiệu quả.

IV. Kiến thức cuối khóa: 8 tín chỉ (bắt buộc: 2 TC; tự chọn 6 TC) gồm các học phần về thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp và các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp như: đề án kinh doanh, phát triển du lịch bền vững, đạo đức kinh doanh.

Khoá luận tốt nghiệp (mã HP: HM3067 – 6 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, được thiết kế như một cơ hội giúp cho sinh viên hệ thống hóa lại toàn bộ những kiến thức, kỹ năng đã được học tại trường để giải quyết một vấn đề/tình huống trong kinh doanh, mà bản thân nhận ra được thông qua quan sát, khám phá hoặc phân tích. Từ đó đề xuất đề xuất các hàm ý thông qua việc ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học, giúp cho các bên có liên quan tìm giải pháp/ra quyết định giải quyết vấn đề/tình huống. Học phần còn có vai trò giúp cho người học những công cụ và nhận thức để tiếp tục học lên những bậc cao hơn như Thạc sĩ hay Tiến sĩ để tham gia giảng dạy hay nghiên cứu trong tương lai.

Thực tập tốt nghiệp (mã HP: HM3066 – 2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức trải nghiệm thực tiễn được thiết kế nhằm giúp sinh viên tiếp cận và tìm hiểu đặc trưng, cách thức vận dụng những kiến thức và kỹ năng của một nhân viên thực tập thuộc bộ phận ẩm thực (Food & Beverage - F&B) và bộ phận lưu trú (Room Division - RD) tại các đơn vị kinh doanh ẩm thực, nhà hàng trong resort/khách sạn và tại các đơn vị kinh doanh cơ sở lưu trú/khách sạn. Thực tập sinh được đào tạo hội nhập kỹ năng nghiệp vụ F&B và RD theo tiêu chuẩn tại nơi thực tập. Thực tập sinh sẽ cần phải ghi nhận lại những gì học được và làm một báo cáo đề nộp như một bài kiểm tra cuối khóa.

Quản lý khách sạn vừa & nhỏ (mã HP: HM3068 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cuối khóa, thể hiện vai trò người quản lý khách sạn, mô tả trách nhiệm cụ thể liên quan công tác quản lý các bộ phận buồng, lễ tân và nhà hàng cũng như các chức năng chính về kế toán, nhân sự và marketing. Người quản lý khách sạn vừa và nhỏ chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp các hoạt động hàng ngày của khu vực trực tiếp và gián tiếp phục vụ khách, có thể bao gồm cả bộ phận Lễ tân, Buồng, Bếp, Kế toán, Nhân sự, Marketing và bán hàng... Những nhiệm vụ cụ thể hàng ngày, hàng tuần hay hàng tháng liên quan đến các hoạt động trên của mỗi khách sạn rất khác nhau. Người quản lý phải có năng lực để chỉ đạo, phối hợp và kiểm tra các công việc được mô tả trong tài liệu này.

Phân tích hoạt động kinh doanh (mã HP: HM3069 – 3 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức cuối khóa trình bày các vấn đề về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình thu nhập, báo cáo tài chính.

3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2021 cho sinh viên ngành Quản trị Khách sạn.

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những mô đun tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi mô đun và toàn bộ khóa học, trường các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2-3 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG